TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HÀM YÊN** **TỈNH TUYÊN QUANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: **03**/2024/QĐST-DS	*Hàm Yên, ngày 10 tháng 01 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào Biên bản hòa giải thành ngày 02 tháng 01 năm 2024 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 119/2023/TLST-DS, ngày 03 tháng 11 năm 2023.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Vũ Hải T, sinh năm 1988.

Nơi cư trú: Thôn 1 T, xã T, huyện H, tỉnh Tuyên Quang.

- Bị đơn: Bà Lý Thị N, sinh năm 1978 và ông Lộc Văn A, sinh năm 1977.

Cùng nơi cư trú: Thôn 1 T, xã T, huyện H, tỉnh Tuyên Quang.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về nghĩa vụ trả tiền: Bà Lý Thị N và ông Lộc Văn A cùng có nghĩa vụ trả cho ông Vũ Hải T tổng số tiền còn nợ cả gốc và lãi là 44.321.000đ (Bốn mươi bốn triệu, ba trăm hai mươi một nghìn đồng). Chia ra:

+ Bà Lý Thị N có nghĩa vụ trả cho ông Vũ Hải T số tiền là 22.160.500đ *(Hai mươi hai triệu, một trăm sáu mươi nghìn, năm trăm đồng).*

+ Ông Lộc Văn A có nghĩa vụ trả cho ông Vũ Hải T số là 22.160.500đ *(Hai mươi hai triệu, một trăm sáu mươi nghìn, năm trăm đồng).*

Khoản tiền phải trả trên, kể từ khi quyết định có hiệu lực pháp luật và ông Vũ Hải T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà Lý Thị N và ông Lộc Văn A chậm trả thì phải chịu thêm khoản tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất chậm trả thực hiện theo quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự.

2.2. *Về án phí:*

+ Bà Lý Thị N và ông Lộc Văn A mỗi người phải chịu 369.000đ *(Ba trăm sáu mươi chín nghìn đồng)* tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch nhưng bà N và ông A được miễn số tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch trên do thuộc trường hợp là người dân tộc thiểu số cư trú tại địa bàn có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn theo quy định của pháp luật.

+ Ông Vũ Hải T phải chịu 369.000đ *(Ba trăm sáu mươi chín nghìn đồng)* tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 1.121.500đ *(Một triệu, một trăm hai mươi mốt nghìn, năm trăm đồng)* theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000470 ngày 06/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang. Hoàn trả lại cho ông Vũ Hải T số tiền chênh lệch là 752.500đ (*Bảy trăm năm mươi hai nghìn năm trăm đồng*).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện Hàm Yên;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện Hàm Yên;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Đức Tùng